

Bản án số: 107/2019/DS-ST
Ngày: 26/7/2019
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Trúc

- *Hội thẩm Nhân dân:* 1. Ông Lý Văn Til

2. Ông Bạch Văn Em

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phúc Hưng - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:* Bà
Huỳnh Thị Bích Liên - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai,
thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-DS ngày 24
tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 213/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị Ánh N, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trường Bình, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố
Cần Thơ.

Bị đơn:* 1/ Ông **Trương Hà B, sinh năm 1971 (vắng mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Trường Bình, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành
phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Ánh N trình bày:

Vợ chồng ông Trương Hà B và bà Nguyễn Thị H có tham gia tất cả 05 dây hụi (gồm 09 phần hụi) do tôi làm chủ. Cụ thể như sau:

- Hụi tháng 5.000.000đồng mở ngày 20/9/2016 âm lịch, có 15 người tham gia, vợ chồng bà H tham gia 02 phần và đều hót hết 02 phần hụi. Đến lần khai thứ 02 thì kêu hót 01 phần với giá 1.250.000đồng với số tiền 51.250.000đồng. Phần còn lại lần khai hụi thứ 03 kêu hót với giá 1.350.000đồng, với số tiền 51.300.000đồng, cả 02 phần còn nợ lại 06 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 60.000.000đồng, hiện dây hụi đã mãn.

- Hụi tháng 2.000.000đồng mở ngày 10/6/2016 âm lịch, có 16 người tham gia, vợ chồng bà H tham gia 02 phần và đều hót hết 02 phần hụi. Đến lần khai thứ 06 thì kêu hót 01 phần, kêu 380.000đồng hót được 25.200.000đồng. Phần còn lại lần khai hụi thứ 08 kêu hót 400.000đồng, hót được 25.800.000đồng, cả 02 phần hụi còn nợ lại 04 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 16.000.000đồng, hiện dây hụi đã mãn.

- Hụi tháng 2.000.000đồng mở ngày 05/10/2016 âm lịch, gồm 02 dây hụi, mỗi dây hụi có 15 người tham gia, vợ chồng bà H tham gia 03 phần và đều hót hết 03 phần hụi. Dây thứ nhất: Đến lần khai thứ 02 thì kêu hót, kêu 380.000đồng hót được 21.150.000đồng. Dây thứ hai (có 02 phần): lần khai hụi thứ 03 kêu hót một phần, kêu 400.000đồng, hót được 22.200.000đồng; Phần còn lại tại lần khai thứ 05 hót, kêu 330.000đồng hót được 23.700.000đồng. Cả 03 phần hụi nêu trên đều đóng được 08 lần thì không đóng nữa, còn nợ lại 07 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 42.000.000đồng, hiện dây hụi đã mãn.

- Hụi tháng 1.000.000đồng mở ngày 15/7/2016 âm lịch, có 19 người tham gia, vợ chồng bà H tham gia 02 phần và đều hót hết 02 phần hụi. Đến lần khai thứ 05 thì kêu hót 01 phần, kêu 270.000đồng hót được 13.720.000đồng. Phần còn lại lần khai hụi thứ 07 kêu 150.000đồng, hót được 15.700.000đồng, cả 02 phần hụi còn nợ lại 08 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 16.000.000đồng, hiện dây hụi đã mãn.

Tổng cộng 05 dây hụi nêu trên vợ chồng bà H nợ tôi số tiền 134.000.000đồng. Tuy nhiên, bà H có trả cho tôi được 02 lần bằng 10.000.000đồng (5.000.000đồng/lần) thì không trả nữa cho đến nay. Khi tham gia góp hụi bà H là người đứng tên trong danh sách hụi nhưng thực tế cả vợ chồng ông B, bà H đều tham gia khai và đóng hụi nên nay tôi yêu cầu vợ chồng bà H và ông B có trách nhiệm trả cho tôi tổng số tiền hụi còn thiếu là 124.000.000đồng trong một lần khi bản án (quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật). Tôi không đồng ý với yêu cầu xin trả dần của bà H và giữ nguyên ý kiến nêu trên.

Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Ánh N về số dây hụi, phần hụi, ngày mở hụi, việc hốt hụi và số lần hụi chết cũng như số tiền hụi còn thiếu. Tôi thừa nhận tôi và chồng là ông Trương Hà B có cùng tham gia 09 phần hụi như bà N trình bày và đến nay còn nợ bà N tổng số tiền hụi là 124.000.000đồng và tôi thống nhất trả số nợ này cho bà N, nhưng do hoàn cảnh làm ăn thua lỗ, không còn khả năng thanh toán nên xin trả dần theo phương thức bằng 500.000đồng/tháng khi bản án (quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật) đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn bà H vẫn giữ nguyên ý kiến. Ông Hà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bận đi làm ăn xa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là “*tranh chấp hợp đồng góp hui*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Hà B được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt ông Trương Hà B.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ánh N: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Ánh N và bà Nguyễn Thị H thống nhất số tiền hui bà H và ông B còn nợ bà N 124.000.000 đồng. Đối với ông Trương Hà B, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông B vắng mặt không rõ lý do, đến ngày 19/7/2019 thì ông B có đơn xin vắng mặt, với lý do ông B đang đi làm xa không về dự phiên tòa và ủy quyền cho vợ ông là bà Nguyễn Thị H, theo nội dung này thì ông B không có bất kỳ ý kiến nào phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ sự thừa nhận của bà H và nội dung đơn của ông B là căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bị đơn bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 471; 466; 468 Bộ luật dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ánh N. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trương Hà B trả cho bà Đỗ Thị Ánh N số tiền 124.000.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Trương Hà B phải chịu 6.200.000 đồng. Bà Đỗ Thị Ánh N được nhận lại 3.100.000 đồng theo biên lai thu số 003177 ngày 18/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc